

THỰC TRẠNG, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ TRONG THỜI GIAN TỚI



1. Số lượng gia súc ăn cỏ giai đoạn năm 2018-2022

Tổng đàn (con)	Năm					Biến động 2021/2018 (%)
	2018	2019	2020	2021	2022	
Tổng đàn bò	5,802,907	6,060,024	6,325,627	6,365,300	6,339,404	2,34
Bò thịt	5,508,525	5,742,295	5,994,259	6,034,063	6,014,250	2,34
Tỷ lệ bò lai (%)	58,51	61,65	64,02	65,3	66,8	-
Bò sữa	294,382	317,729	331,368	331,237	325,154	2,99
Trâu	2,425,105	2,387,887	2,332,754	2,264,700	2,231,632	-1,7
Dê	2,683,942	2,609,198	2,654,573	2,675,188	2,808,166	-0,08
Cừu	150,022	121,416	114,165	105,794	108,393	-8,36
Thỏ	1044370	1116869	1237006	1,232,089	1,264,928	4,22
Hươu, nai	62,790	57,615	61,784	62,865	69,198	0,03

Nguồn TCTK

I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

2. Tổng đàn bò thịt theo vùng sinh thái giai đoạn 2018-2023 (ĐVT: 1.000 con)

Vùng	Năm						Tỷ lệ %/cả nước 2023
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	
ĐBSH	487.47	467.67	460.69	446.73	429.31	417.03	6.94
TDMNPB	1,134.72	1,149.51	1,173.60	1,179.87	1,178.20	1,186.92	19.75
BTB&DHMT	2,351.27	2,303.09	2,319.90	2,315.73	2,327.65	2,303.31	38.33
Tây Nguyên	831.31	840.52	811.53	858.79	827.56	893.78	14.88
ĐNB	318.93	312.66	315.25	342.85	342.21	341.16	5.68
ĐBSCL	907.12	886.91	910.40	932.68	910.07	866.30	14.42
Cả nước	6,030.82	5,960.37	5,991.37	6,076.65	6,015.01	6,008.50	100

Tổng cục Thống kê: giai đoạn năm 2018-2023, số lượng bò thịt phát triển tương đối ổn định: Tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2018-2023 là 0,02 %.

BÒ Blanc Bleu Belge (BBB)



BÒ CHAROLAIS



3. Sản phẩm chăn nuôi gia súc ăn cỏ giai đoạn 2018-2022

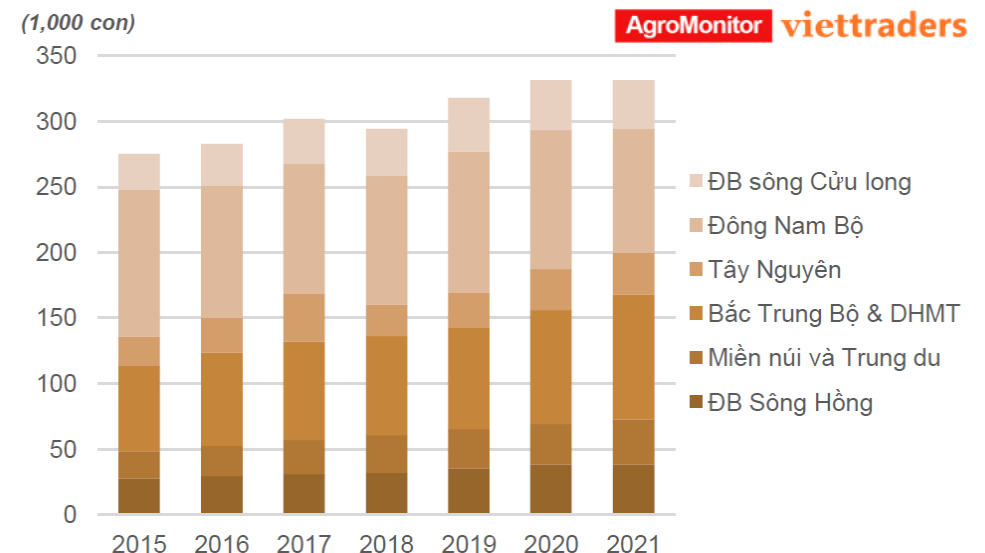
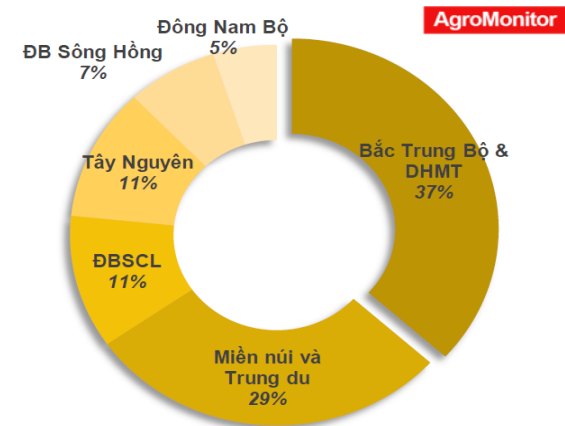
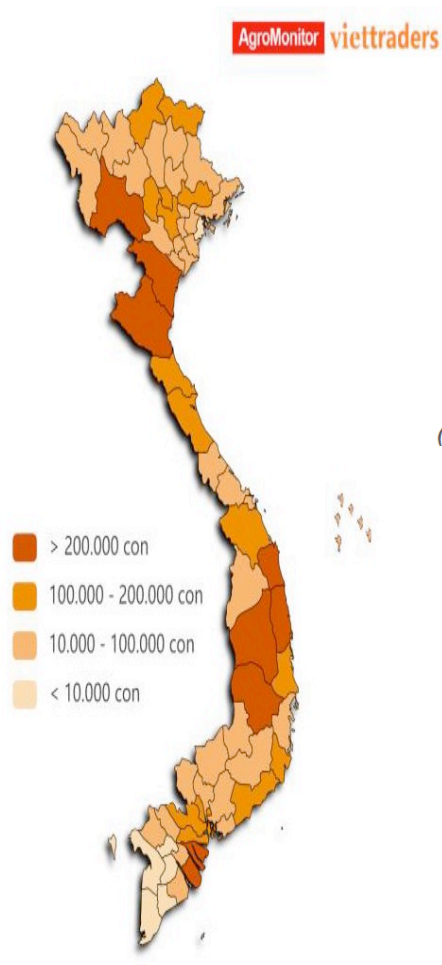
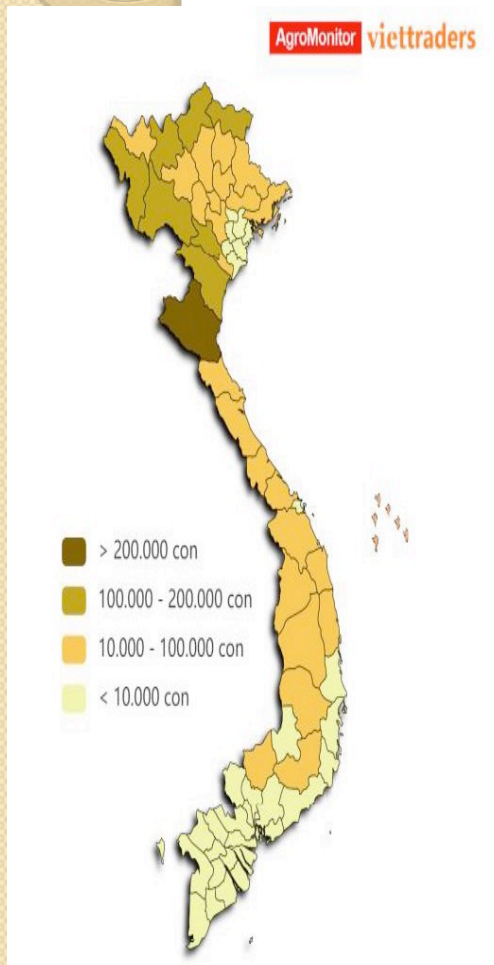
Năm	2018	2019	2020	2021	2022	Biến động 2021/2018 (%)
Thịt trâu (tấn)	92.110	125.280	120.250	123.000	119.678	7.50
Thịt bò (tấn)	334.470	430.690	441.511	466.400	481.351	8.67
Sữa bò tươi (tấn)	936.000	986.120	1.049.260	1.070.800	1.124.714	3.42
Thịt dê, cừu (tấn)	32.470	36.650	37.560	54.500	43.978	13.82
Thịt thỏ (tấn)	3.440	3.890	4.360	4.571	4.639	7.37
Thịt hươu, nai (tấn)	410	340	440	452	378	2.47

Nguồn TCTK

I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

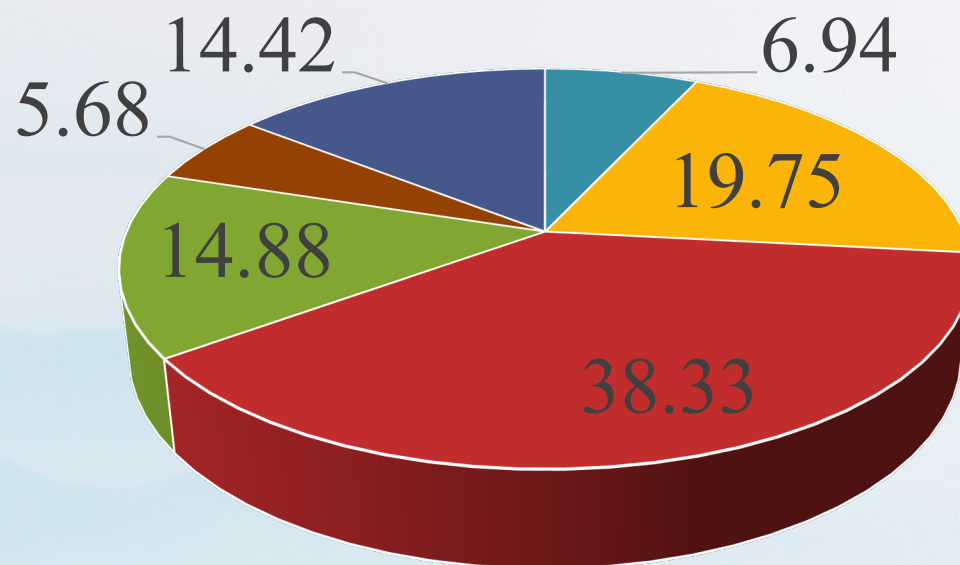
4. Phân bố đàn gia súc ăn cỏ

Mật độ phân bố đàn trâu và đàn bò 2021



Đàn bò sữa theo vùng sinh thái

5. Phân bố đàn bò thịt tại các vùng sinh thái trên cả nước năm 2023 (%)

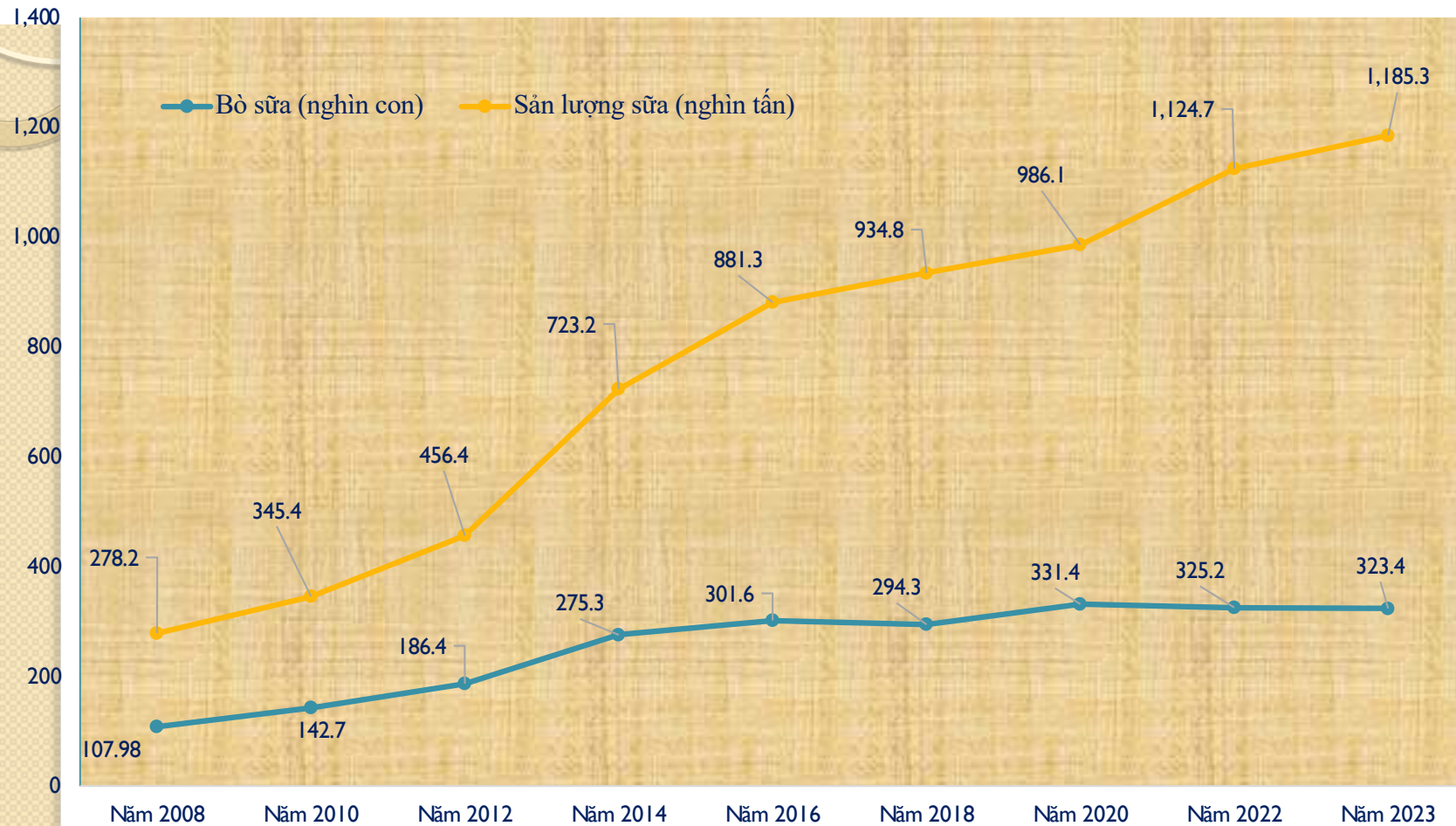


Một số tỉnh có đàn bò thịt phát triển nhất cả nước là: Nghệ An, Gia Lai, Sơn La, Bình Định, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Thanh Hóa, Trà Vinh, Bến Tre, Bình Thuận

- ĐBSH
- BTB&DHMT
- ĐNB
- TDMNPB
- Tây Nguyên
- ĐBSCL

Một số tỉnh có đàn bò thịt hạn chế:: Bắc Kạn, Bình Dương, Hải Dương, Kiên Giang, T/P Đà Nẵng, Hải Phòng, Hậu Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau

1. BIẾN ĐỘNG TỔNG ĐÀN BÒ SỮA VÀ SẢN LƯỢNG SỮA GĐ 2008-2023



Tỷ lệ loại thải: 10-25 % (Năng suất thấp, chậm sinh, bệnh lý)

5. PHÂN BỐ ĐÀN BÒ SỮA VÀ SẢN LƯỢNG SỮA THEO VÙNG SINH THÁI NĂM 2023

Vật nuôi	Cả nước	ĐBSH	TD&MNPB	BTB	Tây Nguyên	ĐNB	ĐB sông CL
Đàn bò (1000 con)	6,331.90	460.16	1,221.75	2,405.37	937.35	413.24	894.03
%	100.00	7.27	19.30	37.99	14.80	6.53	14.12
Trong đó:							
- Bò sữa (1000 con)	323.40	43.13	34.83	102.05	43.57	72.08	27.73
%	100.00	13.34	10.77	31.56	13.47	22.29	8.57
- Sản lượng sữa (1000 tấn)	1,185.29	126.36	126.39	422.31	146.59	300.19	63.45
%	100.00	10.66	10.66	35.63	12.37	25.33	5.35

10 tỉnh có SL sữa bò lớn nhất cả nước

TT	Tỉnh	SL sữa bò (tấn)	Tỷ lệ (%)
	Cả nước	1 185 290	
	Tổng SL 10 tỉnh	1 029 941	86.89
1	Nghệ An	314,583	
2	TP Hồ Chí Minh	247,372	
3	Lâm Đồng	110,684	
4	Sơn La	91,035	
5	Vĩnh Phúc	58,994	
6	Thanh Hóa	54,680	
7	Hà Nội	44,050	
8	Tây Ninh	38,461	
9	Gia Lai	35,869	
10	Tuyên Quang	34,213	

6. LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA

- 1. Doanh nghiệp chế biến sữa
 - HĐ thu mua STNL
 - HĐ bao tiêu sp và hỗ trợ phát triển vùng NL....



VƯỜN CAO VIỆT NAM



FrieslandCampina nir
nourishing by nature



6. LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA (Tiếp)

2. Doanh nghiệp HĐ
bao tiêu SP, dịch vụ
đầu vào và các dịch vụ
khác

Mộc Châu

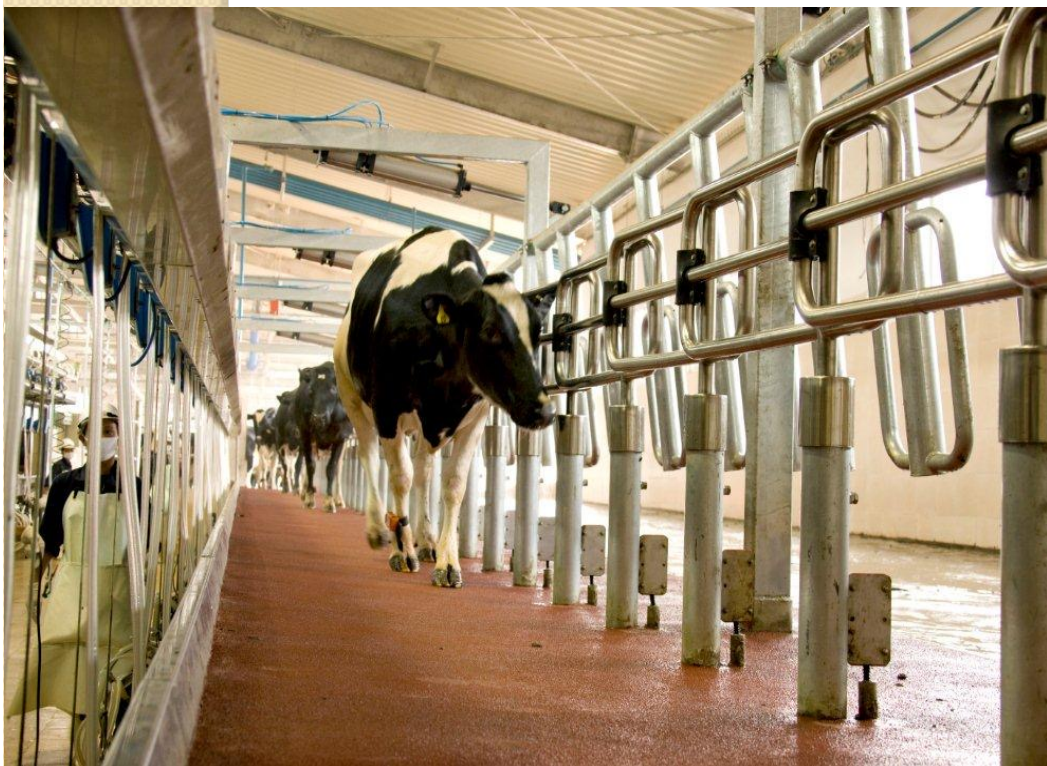


6. LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA (Tiếp)

3. Doanh nghiệp đầu tư sản xuất sữa khép kín từ chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa



Vinamilk



7. CHĂN NUÔI HIỆN NAY TRONG SẢN XUẤT CHUỖI bò thịt ...

Việc xây dựng chuỗi liên kết ở nước ta hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn:

- + Chăn nuôi chủ yếu nhỏ lẻ (gia đình), phân tán, quy mô nhỏ.
- + Giá thức ăn, giá nguyên liệu có nhiều biến động,
- + Con giống không đồng đều (kém chất lượng).
- + Dịch bệnh, thú y thiếu kiểm soát..
- + Ý thức hợp tác, cộng đồng, chia sẻ lợi ích, hay rủi ro chưa cao.
- + Giết mổ thủ công, chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ...



MÔ HÌNH TRONG CHUỖI NUÔI BÒ WAGYU HIỆN NAY

Người chăn nuôi: phối giống bò Wagyu trên nền bò sữa – bú hết sữa đầu



Trung tâm N.C Bò và Đồng cỏ Ba Vi... :
Nuôi chọn lọc trong 5 tháng



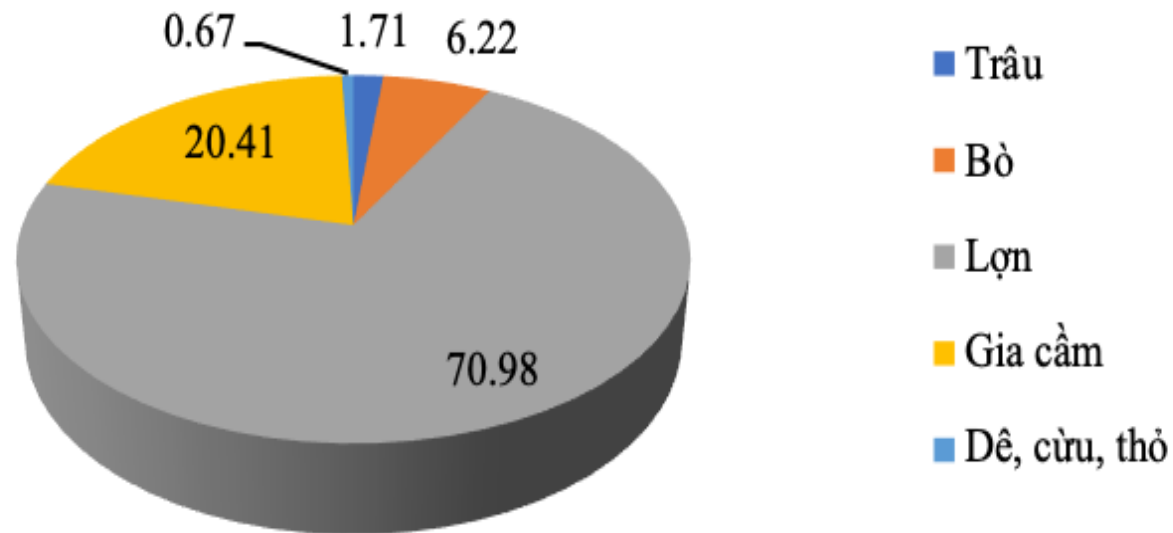
Doanh nghiệp: Việt Úc:
Nuôi và vỗ béo theo tiêu chuẩn Wagyu Úc và tiêu thụ sản phẩm



I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

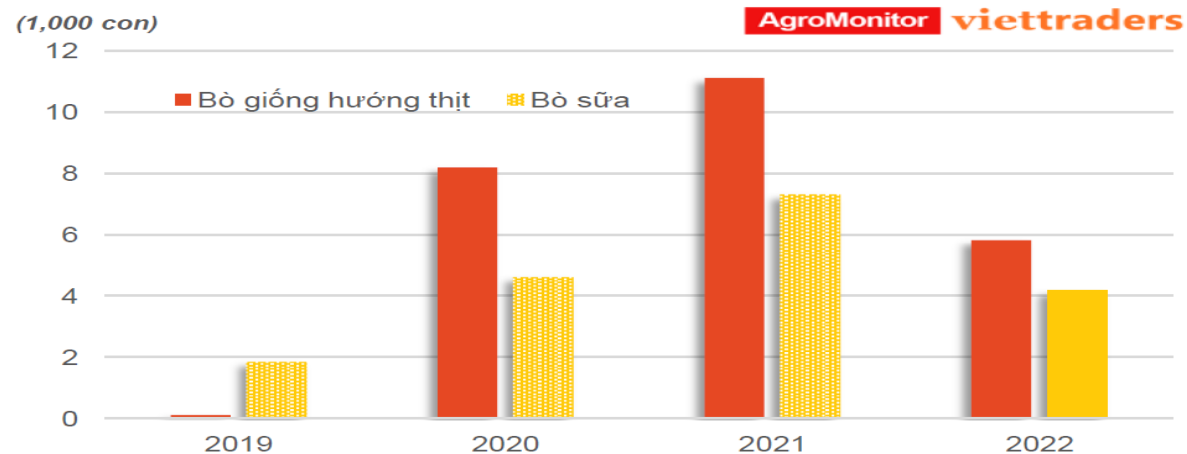
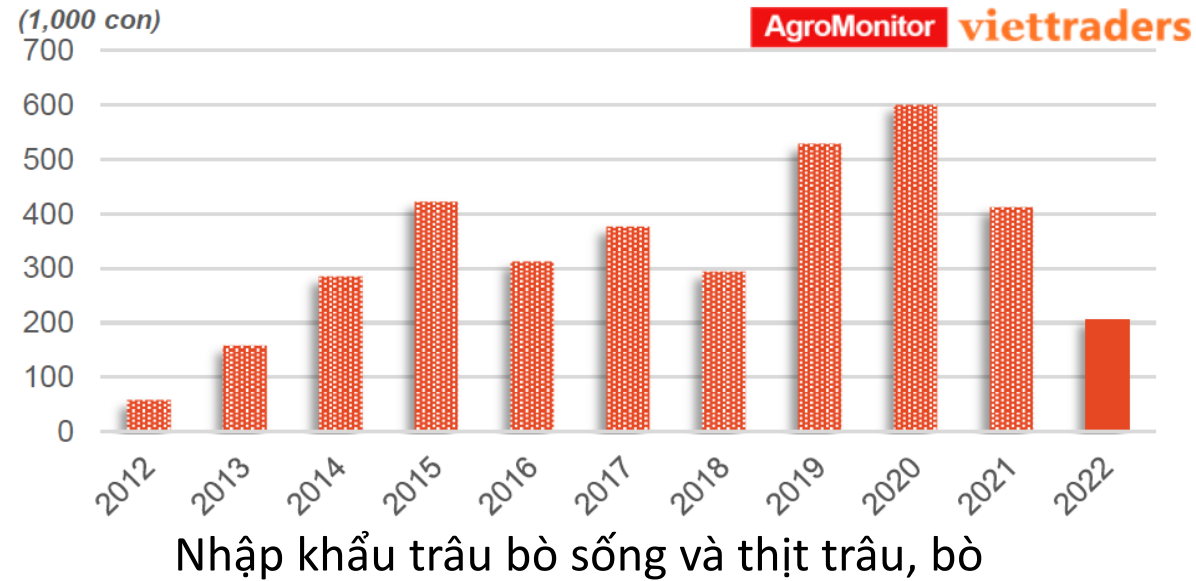
8. Cơ cấu và tiêu dùng sản phẩm gia súc ăn cỏ

Tỷ lệ thịt hơi của gia súc ăn cỏ so với các loại thịt khác thời điểm 01/10/2018 (%)



I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC

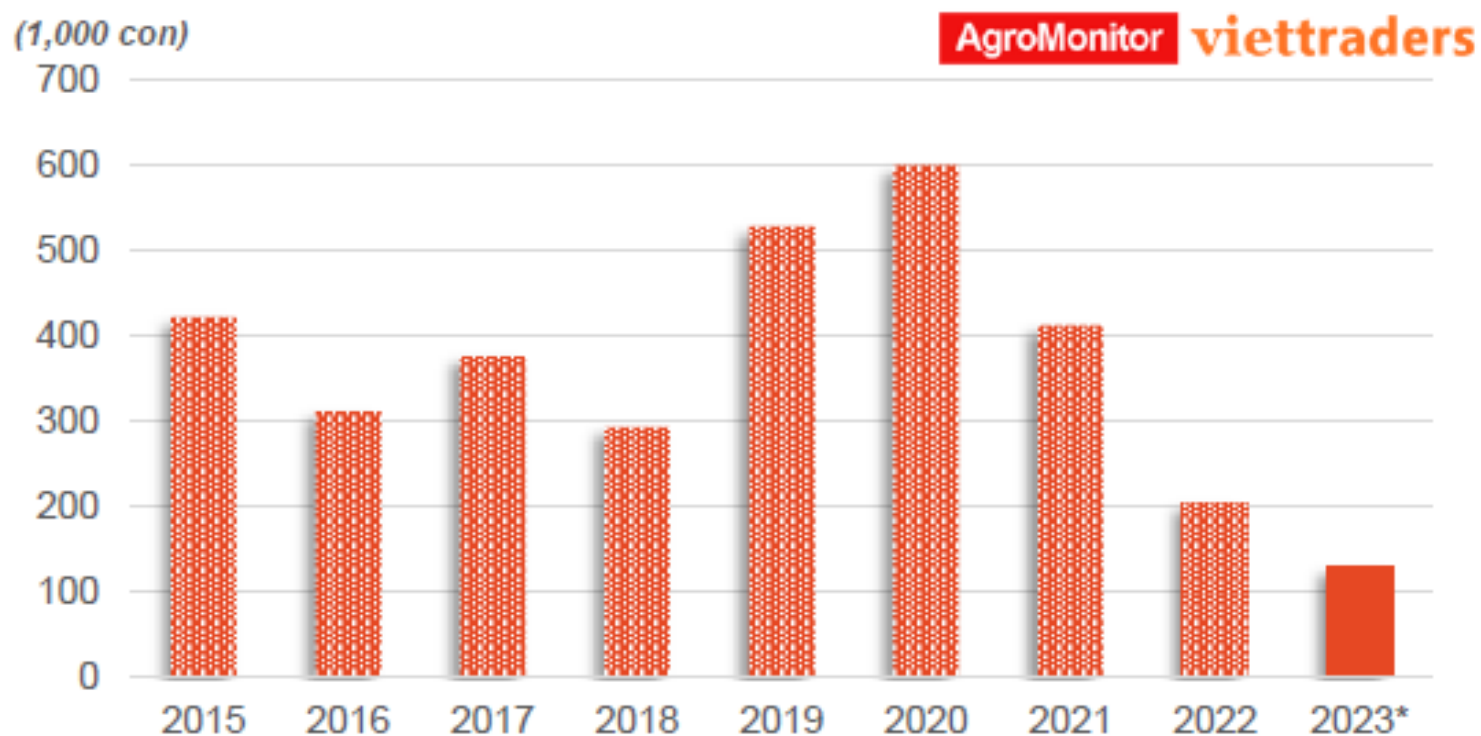
9. Nhập khẩu trâu bò sống và thịt trâu, bò



Nhập khẩu bò giống theo mục đích năm 2019-2022

9. Nhập khẩu trâu bò sống 2012-2023 (Tiếp)

Hình 182: Lượng trâu/bò sống Việt Nam nhập khẩu năm 2012-2023 (nghìn con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: Dữ liệu năm 2023 là ước tính sơ bộ)

10. Về nhập khẩu thịt và phụ phẩm thịt bò (Tiếp):

Năm 2022, Việt Nam nhập khẩu 39.994 tấn thịt bò và 17.130 tấn phụ phẩm. Trong 10 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thịt bò về Việt Nam là 26.471 tấn giảm còn 81,2% so với cùng kỳ năm 2022; lượng phụ phẩm từ bò nhập về đạt 18.121 tấn (bằng 130,6% so với 10 tháng năm 2022).



I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

11. Xuất khẩu trâu/bò sống, thịt trâu/bò theo đường biên mậu (tiểu ngạch)

➤ Xuất khẩu trâu/bò sống:

- Trâu/bò từ Việt Nam thường được gom để xuất khẩu đi Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc.
- Năm 2022 Trung Quốc đóng cửa biên giới nên trâu bò sống xuất đi Trung Quốc theo đường tiểu ngạch không thực hiện được.
- Trung Quốc mở cửa biên giới kể từ ngày 8/1/2023, đem lại kỳ vọng vào việc xuất khẩu trâu/bò sống sẽ được nối lại trong năm 2023.

➤ Xuất khẩu thịt trâu/bò

- Ước tính trung bình giai đoạn 2017-2019, Việt Nam xuất khẩu 2 nghìn tấn thịt xẻ bò quy đổi.
- Kim ngạch xuất khẩu thịt trâu/bò của Việt Nam trong năm 2022 đạt trên 1,64 triệu USD, cao gấp 1,9 lần so với năm trước nhưng thấp hơn 19% so với mức bình quân 5 năm (2017-2021),
- Campuchia là thị trường xuất khẩu chủ yếu với trên 45% thị phần (tính theo kim ngạch xuất khẩu).

I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

12. Chăn nuôi nông hộ

- Năm 2016, Việt Nam có 8,5 triệu hộ làm nông nghiệp, trong đó: có 2,33 triệu hộ nuôi bò thịt (chiếm 27,44%); 1,23 triệu hộ nuôi trâu (chiếm 14,52%); 417,19 nghìn hộ chăn nuôi dê (chiếm 4,91%) và 28,70 nghìn hộ chăn nuôi bò sữa (chiếm 0,34%). Tổng số hộ chăn nuôi gia súc ăn cỏ chiếm khoảng 47,21% tổng số hộ làm nông nghiệp.
- Năm 2022, số lượng nông hộ chăn nuôi năm 2022 còn khoảng trên 2 triệu hộ (theo số liệu của Hội chăn nuôi Việt Nam).

13. Quy mô chăn nuôi năm 2021

- Cả nước có khoảng 13.752 trang trại chăn nuôi/23.662 trang trại nông nghiệp (chiếm 58,1%).
- Cơ sở trang trại chăn nuôi quy mô lớn: 61 cơ sở chăn nuôi bò từ 300 con trở lên.
- Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: 452 cơ sở nuôi từ 30 con trâu trở lên; 1881 cơ sở nuôi từ 30 con bò trở lên; 2.357 cơ sở nuôi từ 20 con bò sữa trở lên



**Chăn nuôi
trong
nông hộ**



I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

14. Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi gia súc ăn cỏ

- Ứng dụng công nghệ phối giống tinh bò phân biệt giới tính cái. Tỷ lệ bê cái sinh ra đạt tương đương khuyến cáo của nhà cung cấp tinh phân biệt giới tính là 87 -92%.
- Áp dụng các kỹ thuật cấy truyền phôi (Phôi thường, phôi phân biệt giới tính), sản xuất phôi bò sữa; thụ tinh trong ống nghiệm, cắt phôi để từ 1 phôi tạo ra 2 phôi,
- Quản lý giống bò sữa: Quản lý bằng phần mềm chuyên dụng ở các doanh nghiệp chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa, như là: AFIMILK, ... hỗ trợ công tác bình tuyển quản lý giống bò sữa.

I. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

13. Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi gia súc ăn cỏ (Tiếp)

- Công nghệ cao (TTNT, IVF, sử dụng tinh phân biệt giới tính đực) được áp dụng trong lai kinh tế bò thịt giữa các giống bò chuyên dụng thịt như: Charolais, Simental, Limousine, Hereford, Drought Master và gần đây là bò Blanc Blue Belge (BBB) với đàn bò cái nền là lai Sind, lai Brahman
- Chăn nuôi bò tập trung, quy mô vừa và lớn ở một số địa phương đã ứng dụng các tiến bộ về giống, thức ăn, chuồng trại chống bức xạ nhiệt mặt trời, phun sương, làm mát tự động, giảm nhiệt độ chuồng nuôi; sử dụng thức ăn phối trộn TMR, rải thức ăn, dọn phân tự động.
- Một số cơ sở chăn nuôi bò sữa đã áp dụng công nghệ cao như: Công nghệ chăn nuôi theo công nghệ Âu, Mỹ (Delaval), hệ thống chuồng mát tự động; áp theo các tiêu chuẩn quốc tế Global Gap,, ISO 9001, trang trại hữu cơ áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu (TH Milk, Vinamilk)

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ TRONG THỜI GIAN TỚI

I. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm sản phẩm gia súc ăn cỏ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;
- Tăng quy mô và thâm canh phát triển những loại vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi gia súc ăn cỏ có tiềm năng và lợi thế so sánh phù hợp với điều kiện tự nhiên, khả năng đầu tư, thị trường tiêu thụ và ứng phó với biến đổi khí hậu như thịt, sữa bò, nhung hươu... ;
- Phát triển chăn nuôi gắn với chế biến đa dạng hóa, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gia súc ăn cỏ, hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến thịt, sữa. Sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi.



**Chăn nuôi
qui mô lớn,
công nghiệp**



II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ TRONG THỜI GIAN TỚI

2. Mục tiêu cụ thể (QĐ 1520/QĐ-TTg)

- Phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ để góp phần thực hiện mục tiêu: Mức tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2021 - 2025 trung bình từ 4 đến 5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 trung bình từ 3 đến 4%/năm.
- Sản lượng thịt xẻ các loại: đến năm 2025 thịt gia súc ăn cỏ đạt từ 8 đến 10%; đến năm 2030 thịt gia súc ăn cỏ đạt từ 10 đến 11%.
- Sản lượng sữa: đến năm 2025 đạt từ 1,7 đến 1,8 triệu tấn sữa; đến năm 2030 đạt khoảng 2,6 triệu tấn sữa.
- Phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ để góp phần thực hiện mục tiêu bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm: đến năm 2025 đạt từ 50 đến 55 kg thịt xẻ các loại, từ 16 đến 18 kg sữa tươi và đến năm 2030 đạt từ 58 đến 62 kg thịt xẻ các loại, từ 24 đến 26 kg sữa tươi.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ TRONG THỜI GIAN TỚI

3. Định hướng phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ đến năm 2030 (QĐ 1520/QĐ-TTG)

- Đàn bò sữa đạt quy mô từ 650 đến 700 nghìn con, trong đó khoảng 60% đàn bò sữa được nuôi trong các trang trại.
- Đàn bò thịt ổn định ở quy mô từ 6,5 đến 6,6 triệu con, trong đó khoảng 30% được nuôi trong trang trại.
- Đàn trâu ổn định ở quy mô từ 2,4 đến 2,6 triệu con, trong đó khoảng 20% được nuôi trong trang trại.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế ngành chăn nuôi

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, các TCVN, QCVN phù hợp với tình hình thực tế.
- Tổ chức tuyên truyền có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về chăn nuôi cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

2. Giải pháp, điều chỉnh về quy hoạch vùng chăn nuôi

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội trong đó có chăn nuôi. Điều chỉnh lại quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi cho các vật nuôi chính theo hướng sản phẩm gắn với sản phẩm đặc thù mang chỉ dẫn địa lý của địa phương, phát triển sản phẩm chăn nuôi sạch, hữu cơ, sinh thái, gắn với du lịch.
- Rà soát chiến lược phát triển chăn nuôi với từng đối tượng nuôi cụ thể để điều chỉnh quy mô phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực; có lộ trình xây dựng thương hiệu sản phẩm quốc gia đồng thời duy trì và phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi tiên tiến.
- Tích hợp quy hoạch phát triển chăn nuôi ở cụm tỉnh, vùng, miền với quy hoạch chung của quốc gia, các tỉnh cần quy hoạch vùng theo lợi thế của từng địa phương: xây dựng vùng chăn nuôi gia súc ăn cỏ gắn với trồng, chế biến cây thức ăn thô, xanh; chuyển đổi mạnh những diện tích đất lúa, nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ, cây thức ăn chăn nuôi; chế biến phụ phẩm công, nông nghiệp.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

3. Quản lý giống gia súc ăn cỏ

- Quản lý được hệ thống giống của gia súc nhai lại: định dạng cá thể bằng gắn số tai, gắn chip điện tử, vào sổ giống và xử lý các tính trạng năng suất của giống.
- Thống nhất hệ thống quản lý giống trâu, bò sữa, bò thịt ở các cơ sở nhân giống trên phạm vi cả nước gắn liền với hệ thống thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi.
- Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi với quy mô lớn, đồng bộ: Các cơ sở sản xuất giống phải đáp ứng đủ điều kiện đăng ký sản xuất và kinh doanh giống vật nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

4. Giải pháp về chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành:

Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045. Các đề án đã được Thủ tướng phê duyệt để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045. Quyết định số 703/2020/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030,

- Thực hiện tối đa xã hội hóa, hỗ trợ cho các doanh nghiệp tư nhân phát triển chăn nuôi. Thực hiện đồng bộ các biện pháp về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

5. Nhóm giải pháp về kỹ thuật

5.1. Giải pháp về giống

a) Giống bò thịt:

- Đẩy mạnh chương trình cải tạo đàn bò địa phương thông qua phương pháp sử dụng bò đực giống giống lai Zêbu để phối giống trực tiếp ở những vùng chăn nuôi chưa phát triển, chăn nuôi phân tán, dân trí chưa phát để cải tạo tầm vóc bò địa phương, nâng dần tỷ lệ bò lai.
- Ở các vùng chăn nuôi phát triển, tương đối tập trung, dân trí phát triển (Đồng bằng Sông hồng, các huyện vùng thấp ở các tỉnh trung du miền núi, các tỉnh vùng Đông Nam bộ..): sử dụng tinh của các giống bò cao sản (Red Angus, Droughtmaster, Limousine, Charolaire, Blanc Bleu Belge, Wagyu, Senepol, Blonde d' Aquitaine...) phối giống bằng thụ tinh nhân tạo (TTNT) với bò cái nền lai Zêbu, bò cái nền đã được cải tạo...
- Chọn lọc và nhân thuần các giống bò Zêbu và các giống thịt cao sản nhập khẩu phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, điều kiện dân trí và sinh thái của từng vùng, từng địa phương.
- Nhập khẩu nguồn gen: Nhập bò đực giống cao sản để sản xuất tinh bò thịt đông lạnh trong nước, nhập khẩu một số tinh, phối bò thịt phục vụ cho lai tạo và nhân thuần giống bò thịt.
- Tiến hành kiểm tra năng suất đực giống bằng các phương pháp tiên tiến, hiện đại..

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

b) Giống bò sữa

➤ *Đối với bò cái*

- Tiếp tục lai tạo với tinh bò sữa cao sản để tạo đàn bò sữa trong nước kết hợp với nhân thuần giống bò sữa HF.
- Tăng cường áp dụng công nghệ sản xuất, nhân giống bò bằng thụ tinh nhân tạo tinh bò ngoại chất lượng cao, tinh bò sữa phân ly giới tính. Sử dụng các công nghệ sinh sản tiên tiến như TTNT, cấy truyền phôi, tạo phôi phân ly giới tính... ở một số Trung tâm, doanh nghiệp chăn nuôi bò sữa.

c) Giống trâu

- Chọn lọc, cải tạo nâng cao chất lượng, số lượng đàn trâu nội: bình tuyển chọn đực giống, cái giống trong nước, đặc biệt trâu giống tốt ở các vùng chăn nuôi trâu phát triển: Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Hòa Bình...
- Đầu tư kinh phí nhập tinh hoặc nhập trâu đực giống để cải tạo đàn trâu nội và làm tươi máu.
- Tăng cường công tác thụ tinh nhân tạo trâu:
- Nhập khẩu đực giống, tinh, phôi phân biệt giới tính của các giống trâu cao sản, phù hợp nhu cầu thị trường trong nước để làm tươi máu, cải tiến chất lượng đàn giống trâu trong nước, đặc biệt là nhập khẩu tinh hoặc nhập trâu đực giống một số giống trâu cho năng suất cao trên thế giới để cải tạo đàn trâu trong nước (trâu thịt Nili-Ravi từ Ấn Độ, Trung Quốc).

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

d. Giống dê

- Tiếp tục cải tạo, nâng cao chất lượng đàn dê. Nhân thuần, chọn lọc nuôi giữ đàn dê giống thịt nhập nội.
- Tăng cường năng lực sản xuất giống cho các cơ sở sản xuất giống dê; Xây dựng hệ thống giống cho các vùng trọng điểm như Ninh Thuận, Bình Thuận, Thanh Hóa, Bình Định, Bến Tre ...



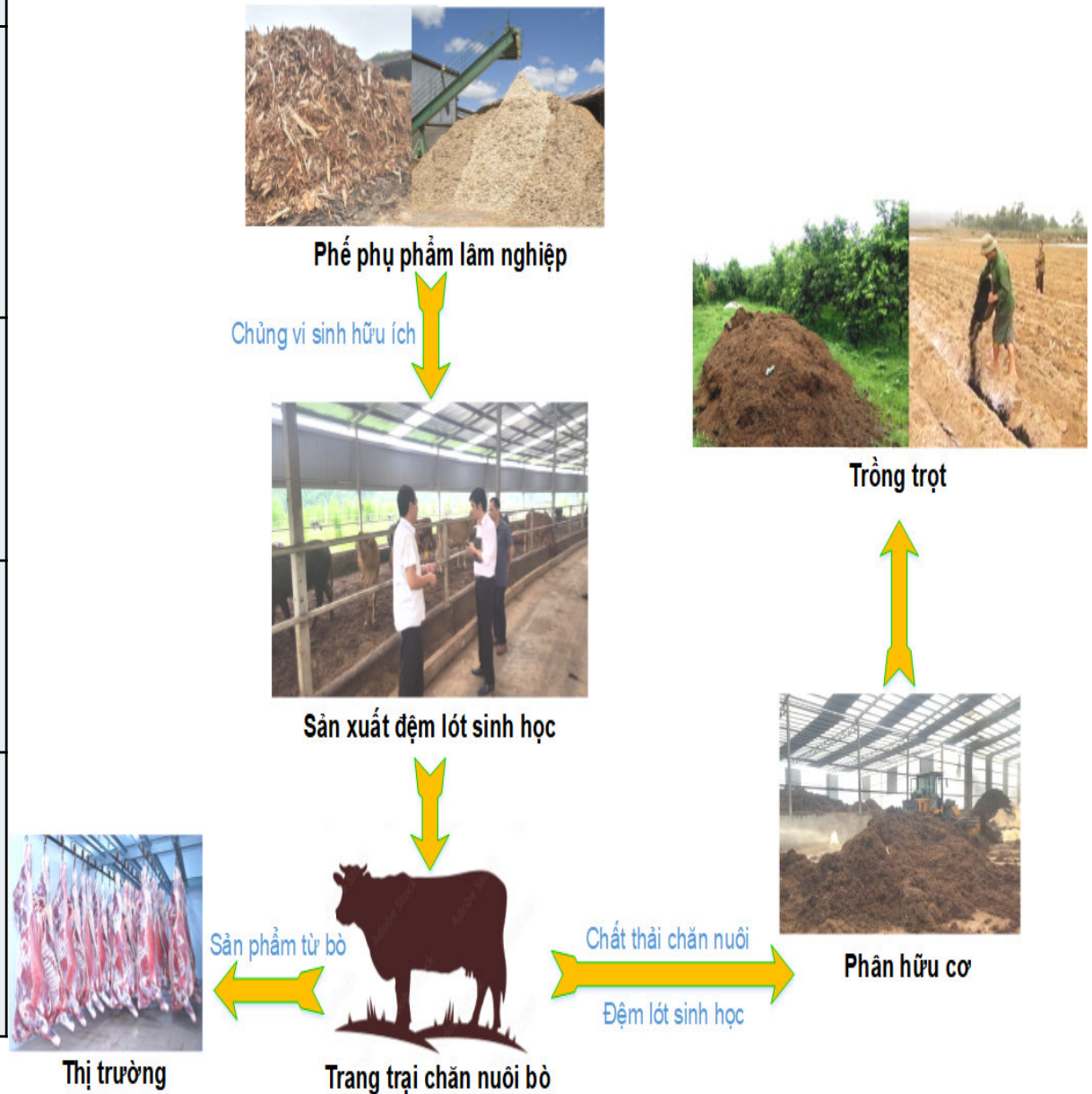
III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC ĂN CỎ

5.2. Thức ăn

- Chủ động tìm kiếm và tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu TACN trong nước để đa dạng hóa nguồn cung, giảm bớt sự phụ thuộc vào một số nguyên liệu TACN truyền thống và giảm phụ thuộc vào một số thị trường nhất định;
- Sử dụng hợp lý các phụ phẩm công, nông nghiệp như rơm lúa, bã bia, bã đậu nành, phụ phẩm chế biến hoa quả, chế biến rau, tăng liếm khoáng vi lượng.v.v. làm thức ăn cho trâu, bò để giảm giá thành.
- Thức ăn hỗn hợp:
 - + Áp dụng công nghệ chế biến thức ăn theo khẩu phần thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR, TMF) trong chăn nuôi bò sữa và vỗ béo bò thịt, trâu thịt, dê thịt và thỏ.
 - + Áp dụng công nghệ sinh học, đặc biệt là công nghệ vi sinh trong việc chế biến thức ăn để tăng hiệu quả sử dụng và giảm phát thải khí nhà kính.
- Thức ăn thô xanh: Trồng các loại cỏ, cây thức ăn chăn nuôi có hàm lượng dinh dưỡng cao (protein). Lựa chọn trồng cỏ và cây thức ăn chịu hạn, rét, sương muối.
- Chọn tạo, nhận thuần, nhập nội một số giống cỏ có khả năng kháng hạn, rét, sương muối để chủ động nguồn thức ăn ở một số vùng khó khăn để thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhập một số giống chịu hạn như Mulato II, Ghine Monbasa, Ruzi, Stylo, Guatemala...

Mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng độn lót sinh học trong chăn nuôi bò công ty T&T 159 Hòa Bình

Nội dung	Mô tả
Mô hình	Quy mô trang trại 25ha, công suất chế biến phân bón 200 tấn/ngày
Xã hội	Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân
Lợi ích về môi trường	Cải thiện môi trường, quản lý chất thải rắn
Khả năng nhân rộng	Phù hợp với các công ty, trang trại chăn nuôi lớn





BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CỤC CHĂN NUÔI

CỤC CHĂN NUÔI



**TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN!**